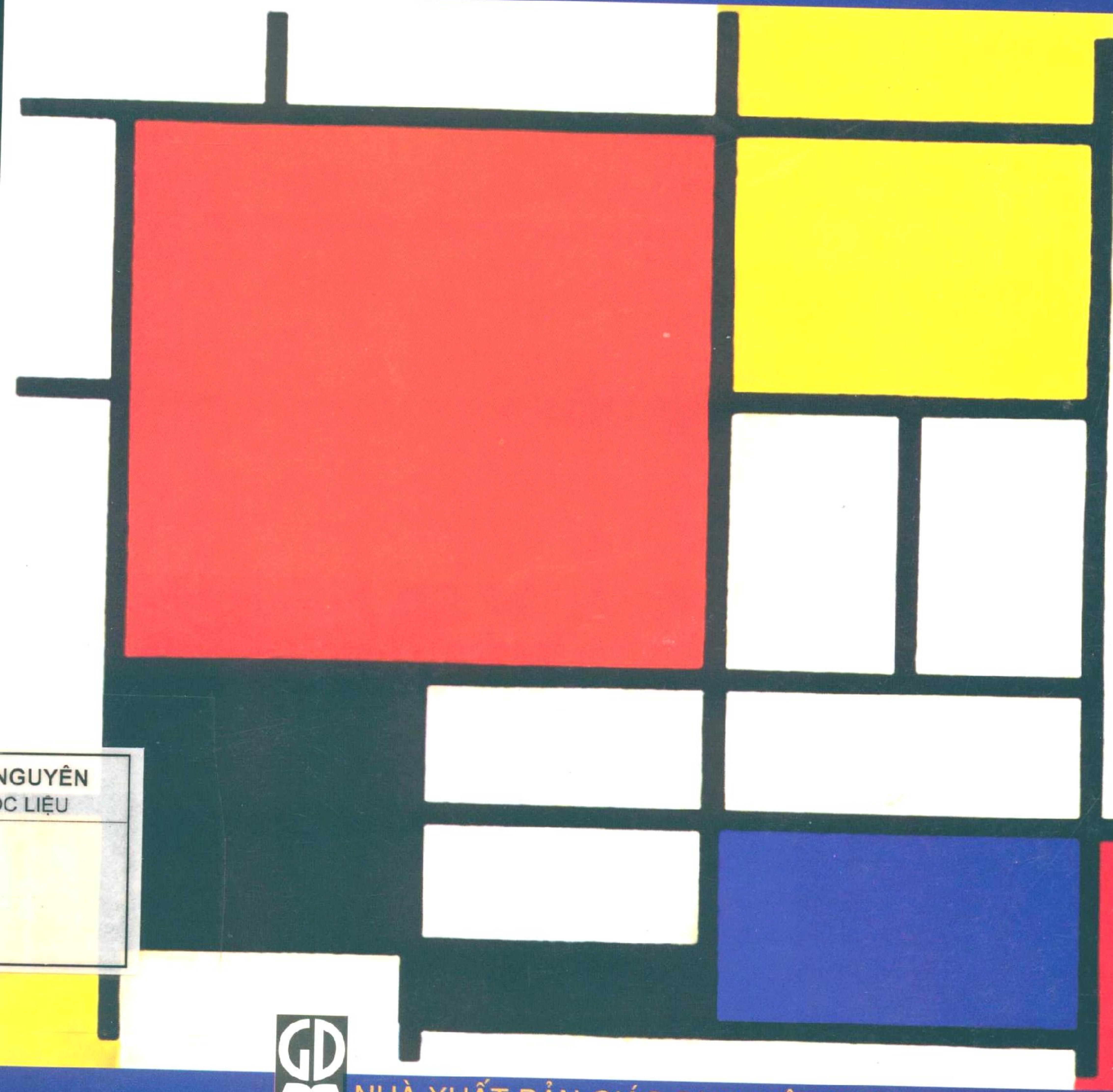


GT.0000023585

Ô VĂN KHANG (Chủ biên)

GIÁO TRÌNH LỊCH SỬ MỸ HỌC



NGUYÊN
OC LIỆU



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

**Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề – Nhà xuất bản
Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.**

616–2010/CXB/14–981/GD

Mã số: 7X490Y0–DAI

LỜI NÓI ĐẦU

Bằng con mắt nhạy cảm, nhiều nhà lý luận cho rằng, mỹ học ngày nay đang trở thành một khoa học hữu hiệu, tác động mạnh tới nhiều khoa học khác. Trong việc giải quyết những vấn đề cơ bản, văn hóa học tiếp cận mỹ học. Tri thức mỹ học là chiếc cầu nối triết học với nghệ thuật và văn hóa học. Cho nên nhiều nhà lý luận coi mỹ học là triết học của nghệ thuật.

Lịch sử mỹ học thực tế đã trải qua một chặng đường dài, tất nhiên không thể bằng phẳng. Nó hình thành và phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của đời sống con người, đặc biệt là đời sống văn hóa nghệ thuật.

Nếu những thành tựu nghiên cứu khoa học đã không ngừng làm biến đổi thế giới quan của chúng ta, thì những biến đổi diễn ra trong cuộc sống cũng như trong quan niệm của con người về thực tại và về nghệ thuật cũng được phản ánh rất đầy đủ trong *Lịch sử mỹ học*.

Đánh giá con người hiện đại, thế giới chú ý đến hai năng lực: IQ (Intelligence Quotient) = trí tuệ, EQ (Emotional Quotient) = cảm nhận. Muốn khám phá năng lực EQ, có thể dõi theo quá trình sinh thành và phát triển của nó qua *Lịch sử mỹ học*.

Phạm vi của các vấn đề thuộc *Lịch sử mỹ học* là rất rộng, bao quát nhiều khía cạnh của đời sống tinh thần – tình cảm của con người. Do đó, trong khi cố gắng đề cập các mặt cơ bản của mỹ học qua các thời đại, cuốn sách tập trung vào bốn vấn đề chính:

- 1) Lịch sử của cái đẹp qua một số chặng đường chính.
- 2) Lý tưởng thẩm mỹ của các thời đại chủ yếu.
- 3) Các tác gia tiêu biểu trong dòng chảy mỹ học.
- 4) Quan hệ giữa lý luận mỹ học với nghệ thuật thời đại.

Cuốn sách do tập thể tác giả: NGƯT.TSKH. Đỗ Văn Khang (Chủ biên) với sự cộng tác của GS.TS. Đỗ Huy, TS. Nguyễn Thu Nghĩa và ThS. Đỗ Thị Minh Thảo.

Các tác giả chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của bạn đọc để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Thư góp ý xin gửi về: Công ty Cổ phần sách Đại học – Dạy nghề HEVOBCO, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 25 Hàn Thuyên – Hà Nội.

Chương 1

ĐỜI SỐNG THẨM MỸ NGUYÊN THỦY

1.1. Sự xuất hiện đời sống thẩm mỹ thời nguyên thủy

Thời nguyên thủy chưa có mỹ học nhưng đã có đời sống thẩm mỹ, điều này đã quá rõ ràng, vì trên các hang động của người xưa, qua các di vật văn hoá ngay từ thời đồ đá cũ đã có nhiều dấu vết thẩm mỹ, thậm chí còn có nhiều tác phẩm nghệ thuật.

Ở các hang động đẹp nhất phát hiện ở miền tây nam nước Pháp và miền bắc Tây Ban Nha mà linh mục Brơi, con người khá am hiểu nghệ thuật đã gọi là “Sáu chàng không lồ”, đó là các hang Antamira, Fôngđờgôñ, Côngbaren, Látxcô, Truaphore và Niô, cho ta những bằng chứng đáng tin cậy nhất rằng người tinh khôn đã có một trình độ và một năng lực thẩm mỹ về hình khối, về màu sắc, về cách thức tạo dáng: đã biết tuân thủ theo một số quy tắc nhất định về hình thể sự vật, về con người, về lối bô cục hoặc lối miêu tả tự nhiên, tượng trưng hay ước lệ đề ra theo cách hiểu của họ. Tất cả những cái đó nhằm mục đích thực tiễn nhưng bên cạnh đó họ cũng biểu hiện những quan niệm của họ về cái Đẹp.

Sự phát hiện những “nhà bảo tàng” thẩm mỹ cổ xưa này cho phép chúng ta có thể theo dõi hai thời kỳ phát triển vừa có tính độc lập với nhau lại vừa kế tiếp nhau; thời kỳ thứ nhất gọi là Ôrinhaxiêng và thời kỳ thứ hai bắt đầu từ đỉnh điểm của thời Xôluytrêanh, rồi nở rộ vào thời Măcdalêniêng¹.

¹ Người ta chia lịch sử Trái Đất ra làm sáu nguyên đại địa chất lớn: Tiền thái cổ, Thái cổ, Nguyên sinh, Cổ sinh, Trung sinh và Tân sinh. Tân sinh chia ra làm kỷ thứ ba và thứ tư. Vượn biến thành người ở kỷ thứ tư. Như vậy, tuổi của con người ước khoảng một triệu năm. Sống và trải qua một thời kỳ tiến hoá lâu dài, khoảng 90 vạn năm sau, con người mới bước tiếp vào đời sống thẩm mỹ. Đời sống thẩm mỹ con người rõ nét vào Hậu kỷ đồ đá cũ. Do đó, trong lịch sử thẩm mỹ nhân loại, thuật ngữ Ôrinhaxiêng chỉ một trình độ nhất định. Thực ra, Ôrinhaxiêng chỉ là tên một địa chỉ khảo cổ ở vùng Ôrinhac nước Pháp. Ở đây, người ta đã tìm thấy các xương người tiền sử và các di vật văn hoá của họ. Sau này từ Ôrinhaxiêng trở thành thuật ngữ khoa học để chỉ giai đoạn tương đối trưởng thành của

Đó là các tư liệu khoa học, song vấn đề quan trọng là phải vạch ra đặc điểm của chặng đường đã qua và những nguyên nhân làm thức tinh đời sống thẩm mỹ nguyên thủy.

Về điểm này, lời dạy sau đây của Ăngghen vẫn rất bổ ích đối với chúng ta: “Cho đến nay, khoa học tự nhiên và cả triết học nữa đã hoàn toàn coi nhẹ ảnh hưởng của hoạt động con người đối với tư duy của họ. Các khoa học đó chỉ biết tách rời một mặt là giới tự nhiên và mặt kia là tư duy”.

Mác lại chỉ ra một cách cụ thể hơn: “Chúng ta có trước mắt mình những lực lượng bản chất đã được đổi tượng hoá của con người, lực lượng bản chất ấy tồn tại dưới hình thức những đối tượng vật chất xa lạ, hữu ích”².

Căn cứ vào những lời chỉ dẫn đó của Mác và Ăngghen, chúng ta đã thấy thành tựu sáng tạo của các công trình văn hoá bao giờ cũng giả định một khuynh hướng nào đó của năng lực con người, trong đó có năng lực thẩm mỹ.

Nói đến năng lực thẩm mỹ cũng có nghĩa là đề cập đến một loại năng lực tư duy con người, loại tư duy hình tượng, mà tư duy là tiếng nói khát vọng muốn khẳng định mình trong thế giới khách quan. Vậy người nguyên thủy đã dựa vào cơ sở nào để cất lên tiếng nói khát vọng đó?

Ta thấy sự phát triển của tư duy nguyên thủy bám rất chặt với trình độ trau chuốt công cụ lao động (nghĩa là qua sự tìm tòi để hoàn thiện công cụ lao động). “Có thể hiểu rằng, lao động là một biểu hiện tập trung của hiện thực khách quan, cũng từ đó, nó đẻ ra một loạt các quan hệ phức tạp khác, trong đó bao gồm nhận thức tư tưởng, tình cảm của con người. Do đó, lúc đầu khi còn là một con vật, giới tự nhiên đã chi phối con người. Nhưng

công xã nguyên thủy. Con người ở giai đoạn này về mặt cấu tạo đã tiến sát cấu tạo của cơ thể người hiện đại. Con người lúc này đã sáng tạo ra tiếng nói, chế tạo ra những công cụ bằng đá khá tinh vi phức tạp, nhưng quan trọng là họ đã có một trình độ thẩm mỹ tương đối khá, nhất là họ đã biết làm nghệ thuật. Còn Xôluytrêanh, Măcdaleniêng là thời kỳ văn hoá cổ tiếp sau Ôrinhaxiêng. Các thuật ngữ này là thuật ngữ khảo cổ học và xuất phát của nó là tên địa điểm khảo cổ tiêu biểu. Chẳng hạn Măcdaleniêng là thuật ngữ dựa theo tên của hang Mađolen (Pháp). Thời Măcdaleniêng chỉ khoảng thiên niên kỷ thứ XXII trước Công nguyên.

² C.Mác và Ph.Ăngghen, Những tác phẩm đầu tiên, M, 1956, tr.595 (*Bản thảo kinh tế triết học năm 1844*).

trong lao động khi sáng tạo ra công cụ lao động, con người dần trở thành chủ nhân của tự nhiên, có quyền lực một phần đối với tự nhiên. Xu hướng phát triển của con người là muốn mỗi ngày mình càng có quyền lực đối với tự nhiên. Muốn vậy không có con đường nào khác trau chuốt, hoàn thiện công cụ lao động, là con đường rộng mở đến đời sống thâm mĩ”³. Bởi lẽ khi thay đổi cách thức lao động, con người cũng làm biến đổi cả mối quan hệ giữa mình với tự nhiên và còn làm tăng thêm nhiều mối quan hệ vốn từ xưa chưa có đối với cả tự nhiên lẫn bản thân xã hội loài người.

Thuở khai sinh, từ sơ kỳ đồ đá cũ, con người mới chỉ biết dùng cành cây, sau đó là các mảnh đá thô, những mảnh đá tước tự nhiên làm rìu tay, búa, làm mũi lao. Sang thời đại đồ đá giữa (trung kỳ), hoạt động kỹ thuật được cải tiến khá nhiều, các công cụ lao động được mài với trình độ chính xác, đáng lưu ý ở đây, luật cân xứng hài hòa đã bắt đầu được phát hiện. Cái rìu đá hình hạnh nhân đã ổn định. Chẳng hạn, giống người Ximantrop (còn gọi là người cổ Trung Quốc được phát hiện ở di chỉ khảo cổ Chu Khẩu Điểm, Bắc Kinh) đã tạo dáng được nhiều công cụ bằng đá và đã biết dùng lửa. Sau này, giống người Néandéctan trên lưu vực sông Néandéctan (Đức) còn làm ra nhiều vật dụng khá tinh xảo thích ứng với nhu cầu của họ. Thời Trung kỳ đồ đá cũ đã được đánh dấu bằng các sản phẩm đẽo, gọt, mài nhẵn, làm đẹp các chất liệu như gỗ, đá, ngà voi mamút, sừng hươu, nai và đôi lúc cả hổ phách, đồng thời hoàn thiện cả vũ khí dùng để săn thú rừng và bắt cá nữa. Đến Hậu kỳ đồ đá mới thì khả năng trau chuốt công cụ lao động đã đạt đến một tài nghệ. Đồng thời với việc phát sinh và phát triển công cụ bằng đá nhỏ và chế tạo các vật dụng bằng đất nung (gốm) thì con người đã thực sự đi vào lĩnh vực sáng tạo.

Con đường ấy đã diễn ra theo cách thức sau đây: Trong quá trình kiếm sống, con vật chỉ sử dụng tự nhiên theo bản năng, còn con người lại không làm theo cách đó. Người nguyên thủy đã biết vận dụng năng lực của mình mà đào luyện chất liệu nguyên thủy của tự nhiên để biến đổi không ngừng chất liệu đó, bắt nó phục vụ cuộc sống với một hiệu suất ngày càng cao.

Như thế, trong lao động, năng lực của con người được phát huy một cách mạnh mẽ, nó dần trở thành năng lực thực sự, làm cho lao động bớt

³ Như ta đã biết, công cụ lao động nguyên thuỷ, cũng chính là tư liệu lao động quan trọng của tư liệu sản xuất góp phần vào sức lao động để trở thành lực lượng sản xuất. Với ý nghĩa đó, sự tiến bộ công cụ lao động nguyên thuỷ là cơ sở chủ yếu của văn minh nguyên thuỷ.

cực nhọc mà hiệu quả cao, khi lao động bớt dần cực nhọc và thu nhiều hiệu quả, lao động sẽ tạo thành một hấp dẫn. Đây là cái mốc cơ bản để đi tới đời sống thẩm mỹ. Bởi vì thẩm mỹ đứng ở góc độ nhất định là những hứng thú tinh thần, những cảm khoái thuộc tâm hồn con người, mang tính tâm lý xã hội rất rõ. Con người mà lệ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên sẽ không bao giờ đẻ ra hứng thú thẩm mỹ, chỉ khi con người làm chủ tự nhiên ở một phương diện cơ bản, khi đó con người mới có hứng thú thẩm mỹ.

Một bước tiến quan trọng nữa của con người là đã biết đi từ cái nhân tạo đẻ ra cái nhân tạo. Công cụ cổ xưa nhất là những chiếc rìu tay, những bàn nạo,... thuộc đồ đá cũ. Mặc dù còn quá thô sơ, nhưng những công cụ đó là một pho sử sinh động chứng tỏ con người lúc đó đã thoát khỏi tình trạng tác động trực tiếp với vật thể và môi trường xung quanh, chứng tỏ họ đã biết suy nghĩ bằng biểu tượng, rằng họ đã biết đi từ cái tự nhiên đến cái nhân tạo.

Tiếp tục quá trình lao động tự nhiên, ngoài lao động chân tay, suy nghĩ đã phát huy thành một dạng thức lao động hữu hiệu: lao động trí óc. Suy nghĩ là quá trình lao động phân tích tổng hợp, khái quát. Sự phân tích vật thể bằng tư duy lặp lại sự phân tích trong thực tiễn, đến lượt nó, sự phân tích trong trí não lại trở thành một tiền đề tất yếu cho hoạt động thực tiễn, đây là con đường đi từ cái nhân tạo cấp một đến cái nhân tạo cấp hai, tức là cái nhân tạo đẻ ra cái nhân tạo. Vì thế, có hiện tượng đẻ có rìu đá cài tiễn, có hiệu suất cao hơn, con người đã biết vận dụng trí tuệ tìm tòi cơ sở để tạo ra năng suất lao động cao hơn. Những kết luận rút ra về khả năng tạo lực của chiếc cán rìu và sự kết hợp cái cán với cái lưỡi rìu để nối đôi tay con người cho dài hơn và khỏe hơn đã giúp cho con người nghĩ ra cái khoan đá, đục đá, cưa đá để làm cái vai, cái nắc rìu, làm lỗ tra cán rìu. Từ một số công cụ cơ bản, con người lại tạo ra hàng loạt công cụ khác, đây chẳng phải là một thứ công nghiệp nặng nguyên thủy đó sao.

Các công cụ cơ bản được gọi là công cụ của công cụ; từ đó gọi là “công nghiệp nặng”. Nguyên thủy biết làm “công nghiệp nặng nguyên thủy” là biết tạo ra khả năng tự do. Lao động có yếu tố tự do là lao động thích thú, tài không chế tự nhiên chuyển thành tài năng sáng tạo, lúc đó con người mới có khả năng thả trí tưởng tượng phóng túng vào chất liệu.

Khi đã làm được “công nghiệp nặng nguyên thủy”, tài năng sáng tạo đã khiến con người phát hiện được những nét bản chất của sự vật, đã đưa khả năng tư duy trừu tượng đến một trình độ cao hơn. Sự sáng tạo bao gồm

những biến đổi có ý thức mà trí óc và sức tưởng tượng của con người đã cải biến và đưa vào các vật thể của tự nhiên ngày một nhiều.

Đặc trưng của tư duy thẩm mỹ là tư duy hình tượng và khả năng diễn hình hóa sự vật, tính chất của công việc là tính chất sáng tạo vô tư mang ý nghĩa một sự phô diễn tài năng. Vì thế, mới xem qua, tưởng như công cụ lao động tự bản thân nó là không thuộc lĩnh vực thẩm mỹ vì nó làm ra nhằm mục đích thực tiễn rõ rệt. Nhưng nếu cho rằng, công cụ lao động không có cái gì chung với thẩm mỹ, với nghệ thuật thì chúng ta sẽ làm nghèo cái vốn có thực của đời sống thẩm mỹ nhân loại.

Sự tinh tế của đôi mắt, sự khéo léo của bàn tay điều khiển chất liệu theo ý muốn đã đem lại niềm thích thú và lòng yêu mến sản phẩm do chính mình làm ra, thế có nghĩa, con người bắt đầu có cái vui, cái yêu, có một cảm xúc hân hoan, một tình cảm nhất định đối với vật phẩm. Càng thích thú thì càng thích phô diễn và phô diễn càng đạt thì lại càng thích thú hơn. Tính vô tư về sự vật do đó mà nảy sinh vì sản phẩm chứa đựng cả bản chất con người trong đó.

Cái làm nên nghệ thuật chính là cái làm nên cái vô tư sáng tạo ấy, song cái có ích vẫn là nguồn gốc cơ bản của cảm xúc thẩm mỹ và là cơ sở tạo thành tình cảm thẩm mỹ. Rõ ràng, các loại hình nghệ thuật lúc đầu đều có tính mục đích và tính vụ lợi. Trong các loại hoàn thiện bao giờ cũng có một sự thích dụng, tức là sự hòa hợp của nhiều yếu tố để vươn tới cái thống nhất: tốt và đẹp.

Trong khi ngồi khoan các công cụ bằng đá, chẳng hạn khoan cái lỗ trên rìu để buộc vào cán cho chắc, anh thợ đá thời nguyên thủy săn cái khoan, cái cưa, cái đục đá nhân một lúc rồi rãi đã khoan một thỏi đá ước lượng có thể xỏ vừa đôi tay “người yêu”, rồi anh ta kỳ công mài nhẵn cho vân đá nổi lên. Khi ngắm đôi “vòng tay” đã ưng, anh ta mang tặng cho “người yêu” của mình. Khi nhận được “tặng phẩm”, chắc chắn “người yêu” của anh ta đã có một lời khen khiến anh ta xao xuyến. Lời khen ấy phải chẳng là một khích lệ để anh càng đi sâu vào cuộc đời “nghệ sĩ”. Thế là nghệ thuật từ lĩnh vực thực dụng đã tiến vào lĩnh vực thẩm mỹ. Đó cũng là giai đoạn có những biểu hiện quan trọng mà Democrit gọi là giai đoạn xuất hiện những “sự thừa sinh lực”. Thế là “sự xa xỉ” bắt đầu ra đời.

Như vậy, đời sống thẩm mỹ xuất hiện chủ yếu lúc đầu là do yêu cầu hoàn thiện công cụ lao động. Cái có ích đã đi đôi với cái thuận tiện để đi tới cái đẹp. Từ chỗ chỉ làm công cụ nhiều phần thích dụng đến chỗ chủ tâm thêm vào công cụ để nhằm thỏa mãn một yêu cầu khác, bên ngoài tác

động của công cụ lúc đó, dấu ấn của đời sống thẩm mỹ, của cảm xúc và tình cảm thẩm mỹ đã rõ ràng. Bởi thế tính đối xứng, sự nhẫn nhại, các đường nét, bắt mắt là các yếu tố mỹ cảm đầu tiên.

Những cảm quan về nhịp điệu, về tính cân xứng, hài hòa có thể tìm thấy ở những mũi giáo đẹp bằng đá lửa, hai mặt theo hình lá cây thời Xôluytrêanh, ở những mũi lao bằng sừng tuần lộc có hai gạch thời Măcdalêniêng,... Đấy là những bằng chứng đáng tin cậy nhất của những tín hiệu sáng tạo thẩm mỹ.

Đúng là con người thời đại tuần lộc đã trang trí các công cụ, các vũ khí thích dụng với một kỹ thuật cao bằng các hình vẽ và hình chạm. Nhưng họ không dừng ở đó. Đến thời Ôrinhaxiêng, người ta đã chạm, khắc lên những mảnh đá, mảnh xương bà vai của động vật, đã làm được những tượng bằng ngà. Như vậy, bên cạnh nghệ thuật “động sản” qua các vật phẩm trên, con người đã phát triển cả nghệ thuật “bất động sản”, nghĩa là đã chạm nhiều bức bích họa trong các hang động để nhận thức, đồng thời cũng để cho đẹp những nơi cư trú của họ nữa.

1.2. Hai cửa ngõ của tâm hồn và bàn tay người nghệ sĩ

Thời nguyên thủy, sự sáng tạo thẩm mỹ của con người trước hết dựa trên sự sáng tạo thẩm mỹ của vật phẩm. Do đấy, vật phẩm là một công trình đặc biệt của loài người, là cái chứa đựng lực lượng bản chất nhân loại, là gốc rễ để mở ra tâm lý học con người, là cơ sở của chủ nghĩa nhân văn, là nguồn gửi gắm những rung động của trái tim. Đây cũng là nơi thường xuyên đưa cái Đẹp vào cuộc sống và làm cho ý nghĩa tích cực của cái Đẹp góp phần thúc đẩy năng lực của con người.

Nhờ bộ óc phát triển, lao động của con người tăng thêm nhiều ý nghĩa và ý nghĩa của lao động, sức mạnh của trí tuệ, tình cảm đã dọn đường đi tới nghệ thuật cũng nằm ở chỗ đó.

Cái quan trọng nữa để đi tới đời sống thẩm mỹ là bàn tay. Bàn tay của con người trong quá trình lao động cũng đã được cải tạo và chuyển hoá chức năng. Lúc đầu, đôi tay không khác gì đôi chân, nó cũng là một cơ quan di động. Sau, đôi tay hỗ trợ cho hàm răng rồi đi tới thay dần cho chức năng của hàm răng. Khi con người chế ra cái rìu đá sắc cạnh thì cũng là lúc về cơ bản, đôi chi trước của con vật trở thành đôi tay của con người.

Đôi tay một khi đã trở thành công cụ của công cụ thì nó trở thành “công cụ” sáng tạo nghệ thuật. Một cái rìu thô sơ nhất cũng có xu hướng thu về hình “hạnh nhân”. Vậy là cái đẹp khởi thủy nhất chứa đựng sự đối